

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S01-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### NHẬT KÝ - SỔ CÁI

Năm:.....

Th ứ tự đòn g	Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số tiền phát sinh	Số hiệu tài khoản đối ứng		Thứ tự đòn g	TK...		TK...		TK...		TK...		TK...		TK...	
		Số hiệu	Ngày, tháng			N ợ	Có		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	F	G	H	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	...	...
				- Số dư đầu năm - Số phát sinh trong tháng																
				- Cộng số phát sinh tháng - Số dư cuối tháng - Cộng lũy kế từ đầu quý																

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:**.....  
**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S02a-DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

**Số:**.....

Ngày..... tháng.... năm ....

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
<b>Cộng</b>	<b>x</b>	<b>x</b>		<b>x</b>

Kèm theo..... chứng từ gốc

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:**.....

**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S02b-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ**  
**Năm ....**

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng		Số hiệu	Ngày, tháng	
A	B	1	A	B	1
- Cộng tháng - Cộng lũy kế từ đầu quý			- Cộng tháng - Cộng lũy kế từ đầu quý		

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:....

Ng

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Đơn vị:.....  
 Địa chỉ:.....

**Mẫu số S02c1-DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số  
 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Sổ cái**  
**(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)**

Năm:.....  
 Tên tài khoản .....  
 Số hiệu:.....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			- Số dư đầu năm - Số phát sinh trong tháng				
			- Cộng số phát sinh tháng	x			x
			- Số dư cuối tháng	x			x
			- Cộng lũy kế từ đầu quý	x			x

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...  
 - Ngày mở sổ:...

**Người ghi số**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng.... năm .....

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....  
 Địa chỉ:.....

**Mẫu số S02c2-DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Sổ cái**  
**(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)**

Năm .....

Tên tài khoản: .....

Số hiệu.....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền		Tài khoản cấp 2							
	Số hiệu	Ngày, tháng			N ợ	C ó	TK ...		TK ...		TK ...		TK ...	
							N ợ	C ó	N ợ	C ó	N ợ	Có	N ợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
			- Số dư đầu năm											
			- Số phát sinh trong tháng											
			- Cộng số phát sinh tháng	x										
			- Số dư cuối tháng	x										
			- Cộng lũy kế từ đầu quý	x										

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng.... năm .....

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....  
 Địa chỉ:.....

**Mẫu số S03a-DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số  
 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
**Năm...**

*Đơn vị tính:.....*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ Cái	ST T dò g	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang					
			Cộng chuyển sang trang sau	x	x	x		

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:....

*Ngày..... tháng.... năm .....*

**Người ghi sổ**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:**.....

**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S03a1-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**sổ nhật ký thu tiền**  
**Năm...**

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK ...	Ghi Có các TK					
	Số hiệu	Ngày tháng			...				Tài khoản khác	
					Số tiền	Số hiệu	...	...	...	...
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	E
			Số trang trước chuyển sang							
			Cộng chuyển sang trang sau							

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

**Mẫu số S03a2-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**sổ nhật ký chi tiền**

**Năm...**

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK...	Ghi Nợ các TK						
	Số hiệ u	Ngày tháng			Tài khoản khác						
					Số tiền	Số hiệu					
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	E	
			Số trang trước chuyển sang								
			Cộng chuyển sang trang sau								

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:**.....  
**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S03a3-DN**  
(Ban hành theo Thông tư số  
200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**sổ nhật ký mua hàng**  
**Năm...**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản ghi Nợ				Phải trả người bán (ghi Có)
	Số hiệu	Ngày tháng		Hàn g hoá	Nguyên liệu, vật liệu	Tài khoản khác		
						Số hiệu	Số tiền	
A	B	C	D	1	2	E	3	4
			Số trang trước chuyển sang					

			Cộng chuyển sang trang sau				

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:...

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:**.....  
**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S03a4-DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**sổ nhật ký bán hàng**  
**Năm...**

Ngày, tháng ghi	Chứng từ	Diễn giải	Phải thu từ người	Ghi Có tài khoản doanh thu
--------------------	----------	-----------	----------------------	-------------------------------

số	Số hiệ u	Ngày tháng		mua (Ghi Nợ)	Hàng hoá	Thành phẩm	Dịch vụ
A	B	C	D	1	2	3	4
			Số trang trước chuyển sang				
			Cộng chuyển sang trang sau				

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:....

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:**.....  
**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S03b-DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**  
**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)**  
**Năm...**  
**Tên tài khoản .....**  
**Số hiệu.....**

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		N ợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu năm - Số phát sinh trong tháng					
			- Cộng số phát sinh tháng - Số dư cuối tháng - Cộng lũy kế từ đầu quý					

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....
- Ngày mở sổ:....

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:**.....  
**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S04a1-DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Nhật ký chứng từ số 1**  
**Ghi Có Tài khoản 111 - Tiền mặt**  
*Tháng ..... năm .....*

Số TT	Ngày	Ghi Có Tài khoản 111, ghi Nợ các Tài khoản																								Cộng Có TK 111	
		112	113	121	128	131	133	138	141	...	...	151	152	153	154	156	211	213	221	222	228	331	334	641	642		...
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
<b>Cộng</b>																											

*Đã ghi Sổ Cái ngày..... tháng .....năm....*

*Ngày..... tháng.... năm .....*

**Người ghi sổ**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*



Đơn vị:.....  
 Địa chỉ:.....

**Mẫu số S04b1-DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**bảng kê số 1**  
**Ghi Nợ Tài khoản 111 - Tiền mặt**  
 Tháng ..... năm .....

Số dư đầu tháng: .....

Số T T	Ngày	Ghi Nợ Tài khoản 111, ghi Có các tài khoản															Số dư cuối ngày	
		11 2	12 1	12 8	13 1	13 6	13 8	14 1	...	...	33 1	51 1	...	71 1	81 1	...		Cộng Nợ TK 111
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	1 5	16	17
	<b>Cộng</b>																	

Số dư cuối tháng: .....  
 Ngày.... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

**Mẫu số S04a2-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**nhật ký chứng từ số 2**  
**Ghi Có Tài khoản 112 - Tiền gửi ngân hàng**  
*Tháng ..... năm .....*

Số T T	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có Tài khoản 112, ghi Nợ các tài khoản														Cộng Có TK 112	
	Số hiệ u	Ngày , tháng		111	12 1	12 8	13 3	15 1	15 2	15 3	15 6	21 1	21 3	22 1	22 2	34 1	...		...
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	1 4	1 5	16
			<b>Cộng</b>																

*Đã ghi Sổ Cái ngày ... tháng ... năm.....*

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:**.....

**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S04b2-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**bảng kê số 2**  
**Ghi Nợ Tài khoản 112 - Tiền gửi ngân hàng**  
Tháng ..... năm .....

Số dư đầu tháng: .....

Số T T	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ Tài khoản 112, ghi Có các Tài khoản													Số dư cuối ngày
	Số hiệ u	Ngày , tháng		11 1	11 3	12 1	12 8	13 1	13 6	13 8	.. .	34 1	51 1	71 1	...	Cộng Nợ TK 112	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	1 2	13	14

			Cộng																
--	--	--	------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Số dư cuối tháng: .....  
 Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Đơn vị:**.....  
**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S04a3-DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**nhật ký chứng từ số 3**  
**Ghi Có Tài khoản 113 - Tiền đang chuyển**  
*Tháng ..... năm .....*

Số dư đầu tháng: .....

Số T T	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có Tài khoản 113, ghi Nợ các tài khoản															Cộn g Có TK 113
	Số hiệ u	Ngày , tháng		11 2	13 3	15 1	15 2	15 3	15 6	...	...	33 1	33 3	34 1	...	...	...	...	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

			Cộng																	

Cộng số phát sinh bên Nợ theo chứng từ gốc.....

Số dư cuối tháng: .....

Đã ghi Sổ Cái ngày ... tháng ... năm.....

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:**.....

**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S04a4-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**nhật ký chứng từ số 4**

**Ghi Có các Tài khoản**

**341 – Vay và nợ thuê tài chính**

**343- Trái phiếu phát hành**

Tháng ..... năm .....

Số dư đầu tháng: .....

Số T T	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK..., Ghi Nợ các tài khoản					Số T T	Chứng từ		Phân theo đối thanh toán (Ghi Nợ TK..., Ghi Có các TK)			
	Số hiệu	Ngày , tháng						Cộng Có TK ...		Số hiệ u	Ngà y thán g				Cộng Nợ TK ...
A	B	C	D	1	2	3	4	5	E	G	H	6	7	8	9
			Cộng												

Số dư cuối tháng: .....

*Đó ghi sổ cái ngày...tháng...năm*

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

*Ngày..... tháng.... năm .....*

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:**.....

**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S04a5-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**nhật ký chứng từ số 5**  
**Ghi Có Tài khoản 331 - Phải trả cho người bán**  
 Tháng ..... năm .....

S Ố T T	Tên đơn vị (hoặc người bán)	Số dư đầu tháng		Ghi Có TK 331, Ghi Nợ các tài khoản									Theo dõi thanh toán (ghi Nợ TK 331)					Số dư cuối tháng		
		N ợ	C ó	152		153		15 1	15 6	21 1	...	Cộn g Có TK 331	11 1	11 2	341	...	Cộn g Nợ TK 331	Nợ	C ó	
				Gi á H T	Gi á T T	Gi á H T	Gi á T T													
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	1 0	11	12	13	14	1 5	16	17	18	
	Cộng																			

Đã ghi Sổ Cái ngày ... tháng ... năm.....

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S04a6-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

nhật ký chứng từ số 6

Ghi Có Tài khoản 151 – Hàng mua đang đi đường

Tháng ..... năm .....

Số T T	Diễn giải	Số dư đầu tháng	Hoá đơn		Phiếu nhập		Ghi Có TK 151, ghi Nợ các tài khoản								Số dư cuối tháng	
			Số hiệ u	Ngày , tháng	Số hiệ u	Ngày , tháng	152		153		15 6	15 7	63 2	...		Cộng Có TK 151
							Gi á HT	Gi á TT	Gi á HT	Gi á TT						
A	B	C	D	E	G	H	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Cộng															

Đã ghi Sổ Cái ngày ... tháng ... năm.....

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:**.....  
**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S04a7-DN**  
(Ban hành theo Thông tư số  
200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**nhật ký chứng từ số 7**

**Phần I: Tập hợp chi phí sản xuất, kinh doanh toàn doanh nghiệp**

Ghi Có các TK: 152, 153, 154, 214, 241, 242, 334, 335, 338, 352, 356, 611, 621, 622, 623, 627, 631

Tháng ..... năm .....

Số TT	Các TK Ghi Có	152	153	154	214	241	242	334	335	338	...	352	356	611	621	622	623	627	631	Các TK phản ánh ở các NKCT khác				Tổng cộng chi phí
																				NKCT số 1	NKCT số 2	...	...	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
1	154																							
2	631																							
3	241 (2413)																							
4	242																							
5	335																							
6	621																							



**Phần II**  
**Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**  
*Tháng ..... năm .....*

Số TT	Tên các tài khoản chi phí sản xuất, kinh doanh	Yếu tố chi phí sản xuất, kinh doanh						Luân chuyển nội bộ không tính vào chi phí SXKD	Tổng cộng chi phí
		Chi phí Nguyên liệu, vật liệu	Chi phí nhân công	Chi phí Khấu hao TSCĐ	Chi phí dịch vụ mua ngoài	Chi phí khác bằng tiền	Cộng		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1	TK 154								
2	TK 631								
3	TK 242								
4	TK 335								
5	TK 621								
6	TK 622								
7	TK 623								
8	TK 627								
9	TK 641								
10	TK 642								
11	TK 2413								
12	TK 632								
13	Cộng trong tháng								
14	Luỹ kế từ đầu năm								

**Phần III.**  
**SỐ LIỆU CHI TIẾT PHẦN**  
**“LUÂN CHUYỂN NỘI BỘ KHÔNG TÍNH VÀO CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH”**  
*Tháng ..... năm .....*

Số TT	Tên các tài khoản chi phí sản xuất, kinh doanh	Số liệu chi tiết các khoản luân chuyển nội bộ không tính vào chi phí SXKD									
		Dịch vụ của các phân xưởng cung cấp lẫn cho nhau TK 154, 631	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp TK 621	Chi phí nhân công trực tiếp TK 622	Chi phí sử dụng máy thi công TK 623	Chi phí sản xuất chung TK 627	Chi phí trả trước TK 242	Chi phí phải trả TK 335	Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ TK 2413	Dự phòng phải trả TK 352	Cộng
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	TK 154										
2	TK 631										
3	TK 621										
4	TK 622										
5	TK 623										
6	TK 627										
7	TK 242										
8	TK 335										

9	TK 641									
10	TK 642									
11	TK 2413									
12	TK 352									
	<b>Cộng:</b>									

Đã ghi sổ cái ngày ...tháng...năm

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng.... năm .....

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

**Mẫu số S04b3-DN**

(Ban hành theo Thông tư số  
200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**bảng kê số 3**

**Tính giá thành thực tế Nguyên liệu, vật liệu và Công cụ, dụng cụ (TK 152, 153)**

Tháng ..... năm .....

	Số TT	Chỉ tiêu	TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu		TK 153 - Công cụ, dụng cụ	
			Giá hạch toán	Giá thực tế	Giá hạch toán	Giá thực tế
	A	B	1	2	3	4
	1	<b>I. Số dư đầu tháng</b>				

	2	<b>II. Số phát sinh trong tháng:</b>				
	3	Từ NKCT số 1 (ghi Có TK 111)				
	4	Từ NKCT số 2 (ghi Có TK 112)				
	5	Từ NKCT số 5 (ghi Có TK 331)				
	6	Từ NKCT số 6 (ghi Có TK 151)				
	7	Từ NKCT số 7 (ghi Có TK 152)				
	8	Từ NKCT khác				
	9	<b>III. Cộng số dư đầu tháng và phát sinh trong tháng (I+II)</b>				
	10	<b>IV. Hệ số chênh lệch</b>				
	11	<b>V. Xuất dùng trong tháng</b>				
	12	<b>VI. Tồn kho cuối tháng (III - V)</b>				

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:**.....

**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S04b4-DN**  
(Ban hành theo Thông tư số  
200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**bảng kê số 4**  
**Tập hợp chi phí sản xuất theo phân xưởng**  
Dùng cho các TK: 154, 621, 622, 623, 627, 631

Tháng ..... năm .....

Số TT	Các TK ghi Có Các TK ghi Nợ	152	153	154	214	241	242	334	335	338	352	611	621	622	623	627	631	Các TK phản ánh ở các NKCT khác				Tổng chi phí thực tế trong tháng
																		NKCT số 1	NKCT số 2	NKCT ...	NKCT ...	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	TK 154 hoặc TK 631 - Phân xưởng ... - Phân xưởng ...																					
2	TK 621 - Chi phí Nguyên liệu, vật liệu trực tiếp - Phân xưởng ... - Phân xưởng ...																					
3	Tài																					

	khoản 622- Chi phí nhân công trực tiếp - Phân xưởng ... - Phân xưởng ...																			
4	TK 623- Chi phí sử dụng máy thi công - Phõn xưởng ... - Phõn xưởng ...																			
5	TK 627 - Chi phí sản xuất chung - Phân xưởng ... - Phân xưởng																			

...																				
.....																				
Cộng:																				

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:.....**

**Địa chỉ:.....**

**Mẫu số S04b5-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**bảng kê số 5**

Tập hợp: - Chi phí đầu tư XDCB (TK 241)  
- Chi phí bán hàng (TK 641)  
- Chi phí quản lý doanh nghiệp (TK 642)  
Tháng ..... năm .....

Số TT	Các TK ghi Có	152	153	154	214	241	242	334	335	338	352	356	611	621	622	623	627	631	Các TK phản ánh ở các NKCT khác			Cộng chi phí thực tế trong tháng
																			NKCT số 1	NKCT số 2	NKCT ...	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	TK 2411 - Mua sắm TSCĐ																					



1 6	- Chi phí bằng tiền khác																			
1 7	TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp																			
1 8	- Chi phí nhân viên quản lý																			
1 9	- Chi phí vật liệu quản lý																			
2 0	- Chi phí đồ dùng văn phòng																			
2 1	- Chi phí khấu hao TSCĐ																			
2 2	- Thuế, phí và lệ phí																			
2 3	- Chi phí dự phòng																			
2 4	- Chi phí dịch vụ mua ngoài																			
2 5	- Chi phí bằng tiền khác																			
<b>Cộng</b>																				

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng.... năm .....

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:**.....

**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S04b6-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Bảng kê số 6**

Tập hợp: - Chi phí trả trước ( TK242)

- Chi phí phải trả (TK 335)

- Dự phòng phải trả (TK 352)

- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (TK 356)

Tháng ..... năm .....

Số TT	Diễn giải	Số dư đầu tháng		Ghi Nợ TK..., Ghi Có các TK ...				Ghi CóTK..., Ghi Nợ các TK ...				Số dư cuối tháng	
		Nợ	Có				Cộng Nợ				Cộng Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

<b>Cộng</b>																				
-------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Ngày..... tháng..... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:**.....  
**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S04a8-DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**nhật ký chứng từ số 8**

Ghi Có các TK: 155, 156, 157, 158, 131, 2293, 2294, 511, 515  
521, 632, 635, 641, 642, 711, 811, 821, 911  
Tháng ..... năm .....

	Số TT	Số hiệu TK ghi Nợ	Các TK ghi Có Các TK ghi Nợ	155	156	157	158	131	511	521	...	...	...	632	641	642	515	635	...	Cộng
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
	A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
		111	Tiền mặt																	
		112	Tiền gửi Ngân hàng																	
		113	Tiền đang chuyển																	
		131	Phải thu của																	

		khách hàng																
	138	Phải thu khác																
	128	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn																
	222	Đầu tư vào công ty liên doanh, liền kết																
	511	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ																
	632	Giá vốn hàng bán																
	2293	Dự phũng phải thu khủ đũi																
	2294	Dự phũng giảm giỏ hàng tồn kho																
	911	Xác định kết quả kinh doanh																
	...																	
		<b>Cộng</b>																

Đó ghi số cái ngày...tháng...năm

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:**.....

**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S04b8-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**bảng kê số 8**  
**nhập, xuất, tồn kho**

- Thành phẩm (TK 155)
- Hàng hoá (TK 156)
- Hàng hoá kho bảo thuế (TK 158)

Tháng ..... năm .....

Số dư đầu kỳ:.....

Số T T	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK ..., Ghi Có các TK:								Ghi Có TK ..., Ghi Nợ các TK:								
	Số hiệ u	Ngày tháng g		.....			.....			Cộng Nợ TK		.....			.....			Cộng Có TK		
				Số lượn g	Gi á HT	Gi á TT	Số lượn g	Gi á HT	Gi á TT	Gi á HT	Gi á TT	Số lượn g	Gi á HT	Gi á TT	Số lượn g	Gi á HT	Gi á TT	Gi á HT	Gi á TT	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
			<b>Cộng</b>																	

Số dư cuối kỳ: .....

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....

Mẫu số S04b9-DN

Địa chỉ:.....

200/2014/TT-

(Ban hành theo Thông tư số

BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài

chính)

**bảng kê số 9**

Tính giá thực tế thành phẩm, hàng hoá, hàng hoá kho bảo thuế

Thông ..... năm .....

Số TT	Chỉ tiêu	TK 155 - Thành phẩm		TK 156 - Hàng hoá		TK 158- Hàng hoá kho bảo thuế	
		Giá hạch toán	Giá thực tế	Giá hạch toán	Giá thực tế	Giá hạch toán	Giá thực tế
A	B	1	2	3	4	5	6
1	<b>I. Số dư đầu tháng</b>						
2	<b>II. Số phát sinh trong tháng</b>						
3	Từ NKCT số 5						
4	Từ NKCT số 6						
5	Từ NKCT số 7						
6	Từ NKCT số 1						
7	Từ NKCT số 2						
	.....						
8	<b>III. Cộng số dư đầu tháng và phát sinh trong tháng (I+II)</b>						
9	<b>IV. Hệ số chênh lệch</b>						
10	<b>V. Xuất trong tháng</b>						
11	<b>VI. Tồn kho cuối tháng (III - V)</b>						

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:.....**  
**Địa chỉ:.....**

**Mẫu số S04b10-DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài  
chính)

**bảng kê số 10**  
**hàng gửi đi bán (TK 157)**  
Tháng ..... năm .....

Số dư đầu tháng.....

	SỐ T T	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK 157, ghi Có các TK										CỘ NG NỢ TK 157	Ghi Có TK 157, ghi Nợ các TK				CỘ NG CÓ TK 157
		Số hiệu	Ngày, tháng		155		156		154		.....		.....			632		.....		
					Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	



A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	<b>Cộng</b>														

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:**.....  
**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S04a9-DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**nhật ký chứng từ số 9**  
**Ghi Có Tài khoản 211 - TSCĐ hữu hình**  
**Tài khoản 212 - TSCĐ thuê tài chính**  
**Tài khoản 213 - TSCĐ vô hình**  
**Tài khoản 217 – Bất động sản đầu tư**

Tháng ..... năm .....

Chứng từ			Diễn giải	Ghi Có TK 211, ghi Nợ các TK					Ghi Có TK 212, ghi Nợ các TK					Ghi Có TK 213, ghi Nợ các TK					Ghi Có TK 217, ghi Nợ các TK				
SỐ T T	Số hiệu	Ngày, tháng		21 1 4	8 1 1	22 2 .	. . .	Cộng g Có TK 211	21 1	21 3	2 1 4	.. . .	Cộng g Có TK 212	21 4	8 1 1	...	...	Cộng g Có TK 213	21 1	21 3	2 1 4	...	Cộng g Có TK 217
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
			<b>Cộng</b>																				

Đã ghi Sổ Cái ngày ... tháng ... năm.....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... năm .....

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

**Mẫu số S04a10-DN**

(Ban hành theo Thông tư số

200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**nhật ký chứng từ số 10**

**Ghi Có Tài khoản 121, 128, 136, 138, 141, 161, 171, 221, 222, 228, 229, 243**

**244, 333, 336, 338, 344, 347, 353, 411, 412, 413, 414, 417, 418, 419, 421, 441, 461, 466**

Số TT	Diễn giải	Số dư đầu tháng		Ghi Nợ Tài khoản..., ghi Có các tài khoản					Ghi Có Tài khoản..., ghi Nợ các tài khoản					Số dư cuối tháng	
		Nợ	Có	...	...	...	...	Cộng Nợ TK	...	...	...	...	Cộng Có TK	Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	<b>Cộng</b>														

Đã ghi Sổ Cái ngày ... tháng ... năm.....

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:**.....

**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S05-DN**

(Ban hành theo Thông tư số

200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính))

**sổ cái**

(Dùng cho hình thức Nhật ký – Chứng từ)

Tài khoản .....

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với TK này	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
Cộng số phát sinh Nợ													

Tổng số phát sinh Có													
Số dư cuối tháng Nợ													
Có													

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:**.....  
**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S06-DN**  
(Ban hành theo Thông tư số  
200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Bảng cân đối số phát sinh**  
Tháng... năm ...

Số hiệu	Tên	Số dư đầu tháng	Số phát sinh trong tháng	Số dư cuối tháng
---------	-----	-----------------	--------------------------	------------------

tài khoản	tài khoản kế toán	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
	Tổng cộng						

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày.... tháng.... năm .....

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:** .....

**Địa chỉ:** .....

**Mẫu số S07-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ QUỸ TIỀN MẶT**

**Loại quỹ: ...**

Ngày, tháng ghi sổ	Ngày, tháng chứng từ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Số tiền			Ghi chú
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn	
A	B			E	1	2	3	G

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị: .....

Địa chỉ: .....

**Mẫu số S07a-DN**

(Ban hành theo Thông tư số  
200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT QUỸ TIỀN MẶT**

**Tài khoản:...**

**Loại quỹ: ...**

**Năm ...**

Đơn vị tính...

Ngày , tháng ghi số	Ngày, tháng chứng từ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	T K đó i ún g	Số phát sinh		Số tồn	Ghi chú
		Thu	Chi			N ợ	C ó		
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
				- Số tồn đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ					
				- Cộng số phát sinh trong kỳ	x			x	x
				- Số tồn cuối kỳ	x	x	x		x

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị: .....

Địa chỉ: .....

Mẫu số: S08- DN

(Ban hành theo Thông tư số  
200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở tài khoản giao dịch: .....

Số hiệu tài khoản tại nơi gửi: .....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoá n đổi ứng	Số tiền			Ghi chú
	Số hiệ u	Ngày, tháng			Thu (gửi vào)	Chi (rút ra)	Còn lại	
A	B	C	D	E	1	2	3	F
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ					
			- Cộng số phát sinh trong kỳ	x			x	x

			- Số dư cuối kỳ	x	x	x		x
--	--	--	--------------------	---	---	---	--	---

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....  
Địa chỉ:.....

**Mẫu số S10-DN**  
(Ban hành theo Thông  
200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ T

**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (sản phẩm, hàng hoá)**

Năm.....

Tài khoản:.....Tên kho:.....

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá).....

Đơn vị tính:.....

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày, tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3=1x2	4	5= (1x4)	6	7= (1x6)
		Số dư đầu kỳ								
		Cộng tháng	x	x						

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



**Đơn vị:**.....  
**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S12-DN**  
(Ban hành theo Thông tư số  
200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**thẻ kho (Sổ kho)**  
Ngày lập thẻ:.....  
Tờ số:.....

- Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư:
- Đơn vị tính:
- Mã số:

Số TT	Ngày, tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
				Cộng cuối kỳ	x				x

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ: ...

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng.... năm .....

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:**.....  
**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S21-DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**sổ tài sản cố định**  
 Năm: ...  
**Loại tài sản:**.....

Số T T	Ghi tăng TSCĐ							Khấu hao TSCĐ			Ghi giảm TSCĐ		
	Chứng từ		Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước c sản xuất	Tháng năm đưa vào sử dụng	Số hiệu TSC Đ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		Khấu hao đã tính đến khi ghi giảm TSCĐ	Chứng từ		Lý do giảm TSC Đ
	Số hiệu	Ngày tháng						Tỷ lệ (%) khấu hao	Mức khá u hao		Số hiệ u	Ngày, tháng, năm	
A	B	C	D	E	G	H	1	2	3	4	I	K	L
			<b>Cộng</b>	x	x	x					x	x	x

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ: ...

**Người ghi sổ**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

Ngày..... tháng.... năm .....

**Giám đốc**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Đơn vị:**.....

**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S22-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**sổ Theo dõi tài sản cố định và công cụ, dụng cụ tại nơi sử dụng**

*Năm.....*

*Tên đơn vị (phòng, ban hoặc người sử dụng).....*

Ghi tăng tài sản cố định và công cụ, dụng cụ							Ghi giảm tài sản cố định và công cụ, dụng cụ					Ghi chú
Chứng từ		Tên, nhãn hiệu, quy cách tài sản cố định và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Chứng từ		Lý do	Số lượng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày, tháng						Số hiệu	Ngày, tháng				
A	B	C	D	1	2	3=1x2	E	G	H	4	5	I

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng.... năm .....

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:**.....  
**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S23-DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Thẻ tài sản cố định**

Số: .....

Ngày..... tháng.... năm ..... lập thẻ.....

Căn cứ vào Biên bản giao nhận TSCĐ số.....ngày.... tháng.... năm...  
Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: ..... Số hiệu TSCĐ  
Nước sản xuất (xây dựng) ..... Năm sản xuất  
Bộ phận quản lý, sử dụng ..... Năm đưa vào sử dụng  
Công suất (diện tích thiết kế)  
Đình chỉ sử dụng TSCĐ ngày..... tháng..... năm...  
Lý do đình chỉ

Số hiệu chứng từ	Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao mòn tài sản cố định		
	Ngày, tháng, năm	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
A	B	C	1	2	3	4

**Dụng cụ phụ tùng kèm theo**

Số TT	Tên, quy cách dụng cụ, phụ tùng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị
A	B	C	1	2

Ghi giảm TSCĐ chứng từ số: .....ngày.... tháng.... năm

Lý do giảm:

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....  
Địa chỉ:.....

**Mẫu số S31-DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán)**  
**(Dùng cho TK: 131, 331)**  
**Tài khoản:.....**  
**Đối tượng:.....**  
**Loại tiền: VNĐ**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ ..... .....						
			- Cộng số phát sinh - Số dư cuối kỳ	x x	x x	x x	x x	x x	x x

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S32-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán) bằng ngoại tệ**

**(Dùng cho TK: 131, 331)**

Tài khoản:.....

Đối tượng:.....

Loại ngoại tệ:.....

Ngày , tháng , ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Tỷ giá hối đổi	Thời hạn đượ c chiết khấu	Số phát sinh				Số dư				
	Số hiệ u	Ngày , tháng					Nợ		Có		Nợ		Có		
							Ngoạ i tệ	Quy ra VNĐ	Ngoạ i tệ	Quy ra VNĐ	Ngoạ i tệ	Quy ra VNĐ	Ngoạ i tệ	Quy ra VNĐ	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh .....												
			- Cộng số phát sinh	x	x	x						x	x	x	x

		- Số dư cuối kỳ	x	x	x	x	x	x	x				
--	--	-----------------	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:**.....

**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S33-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**sổ Theo dõi thanh toán bằng ngoại tệ**

(Dùng cho các TK 136, 138, 141, 244, 334, 336, 338, 344)

**Tài khoản:**.....

**Đối tượng:**.....

**Loại ngoại tệ:**.....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tỷ giá hối đoái	Số phát sinh				Số dư			
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ		Có		Nợ		Có	
						Ngoại tệ	Quy ra VNĐ	Ngoại tệ	Quy ra VNĐ	Ngoại tệ	Quy ra VNĐ	Ngoại tệ	Quy ra VNĐ
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9
			- Số dư đầu										

			kỳ - Số phát sinh .....										
			- Cộng số phát sinh	x	x					x	x	x	x
			- Số dư cuối kỳ	x	x	x	x	x	x				

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:.....**  
**Địa chỉ:.....**

**Mẫu số S34-DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**sổ chi tiết tiền vay**  
**(Dùng cho TK 341)**  
**Tài khoản:.....**  
**Đối tượng cho vay:.....**  
**Khế ước vay:.....Số.....ngày.....**

(Tỷ lệ lãi vay.....)

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ngày đến hạn thanh toán	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	1	2
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ .....				
			- Cộng số phát sinh - Số dư cuối kỳ	x x	x x		

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:**.....

**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S35-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**sổ chi tiết bán hàng**

Tên sản phẩm (hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư):.....

Năm:.....

Quyển số:.....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:**.....

**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S36-DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**sổ chi phí sản xuất, kinh doanh**  
**(Dùng cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 242, 335, 632)**

- Tài khoản:.....
- Tên phân xưởng:.....
- Tên sản phẩm, dịch vụ:.....

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi Nợ Tài khoản ...								
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng số tiền	Chia ra							
							...	...	...	...	...	...	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ										
			- Cộng số phát sinh trong kỳ - Ghi Có TK ... - Số dư cuối kỳ										

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ: ...

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng.... năm .....

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

**Mẫu số S37-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**thẻ tính giá thành sản phẩm, dịch vụ**

**Tháng.....năm.....**

**Tên sản phẩm, dịch vụ:.....**

Chỉ tiêu	Tổng số tiền	Chia ra theo khoản mục							
		Nguyên liệu, vật liệu	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1. Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ									
2. Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ									
3. Giá thành sản phẩm, dịch vụ trong kỳ									
4. Chi phí SXKD dở dang cuối kỳ									

Ngày.... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:**.....  
**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S38-DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số  
 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**sổ chi tiết các tài khoản**  
 (Dùng cho các TK: 136, 138, 141, 157, 161, 171, 221, 222, 242, 244, 333, 334,  
 335, 336, 338, 344, 352, 353, 356, 411, 421, 441, 461, 466, ...)

**Tài khoản:**.....

**Đối tượng:**.....

**Loại tiền: VND**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệ u	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ ..... .....					
			- Cộng số phát sinh - Số dư cuối kỳ	x x	x x	x x	x x	x x

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:**.....  
**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S41a-DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT THEO DỐI**  
**CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH**  
Năm tài chính.....

Chứng từ		Diễn giải	Giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào công ty liên doanh đầu kỳ	Các khoản được điều chỉnh tăng (giảm) giá trị ghi sổ của khoản đầu tư				Giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào công ty liên doanh
Số hiệu	Ngày, tháng			Khoản điều chỉnh tương ứng với phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên doanh trong kỳ	Khoản điều chỉnh do báo cáo tài chính của nhà đầu tư và công ty liên doanh được lập khác ngày	Khoản điều chỉnh do nhà đầu tư và công ty liên doanh không áp dụng thống nhất chính sách kế toán	Phần điều chỉnh tăng (giảm) khoản đầu tư theo thay đổi của vốn chủ sở hữu của công ty liên doanh nhưng không được phản ánh vào Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty liên doanh	

								cuối kỳ
A	B	C	1	2	3	4	5	6
		Công ty Liên doanh A						
		- -						
		Công ty Liên doanh B						
		- - .....						

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:**.....

**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S42a-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ THEO DÕI PHÂN BỐ CÁC KHOẢN CHÊNH LỆCH  
PHÁT SINH KHI MUA KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH**

ST	Nội dung phân bổ	Tổng số chênh	Thời gian khấu hao (phân bổ)	Nă m	Nă m ...	Nă m	...
----	------------------	------------------	---------------------------------	---------	----------------	---------	-----

T		lệch		...		...	
A	B	1	2	3	4	5	6
1	Công ty liên doanh A - Chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của TSCĐ - Lợi thế thương mại						
	<i>Cộng số phân bổ hàng năm</i>						
2	Công ty liên doanh B - Chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của TSCĐ - Lợi thế thương mại						
	<i>Cộng số phân bổ hàng năm</i>						
3	Công ty liên doanh C - Chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của TSCĐ - Lợi thế thương mại						
	<i>Cộng số phân bổ hàng năm</i>						

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....

Mẫu số S41b-DN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT THEO DÔI**  
**CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**  
Năm tài chính.....

Chứng từ		Diễn giải	Giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào công ty liên kết đầu kỳ	Các khoản được điều chỉnh tăng (giảm) giá trị ghi sổ của khoản đầu tư				Giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào công ty liên kết cuối kỳ
Số hiệu	Ngày, tháng			Khoản điều chỉnh tương ứng với phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên kết trong kỳ	Khoản điều chỉnh do báo cáo tài chính của nhà đầu tư và công ty liên kết được lập khác ngày	Khoản điều chỉnh do nhà đầu tư và công ty liên kết không áp dụng thống nhất chính sách kế toán	Phần điều chỉnh tăng (giảm) khoản đầu tư theo thay đổi của vốn chủ sở hữu của công ty liên kết nhưng không được phản ánh vào Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty liên kết	
A	B	C	1	2	3	4	5	6
		Công ty Liên kết A						
		-						
		-						
		Công ty Liên kết B						
		-						
		-						
		.....						

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng.... năm .....

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

**Mẫu số S42b-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ THEO DÕI PHÂN BỐ CÁC KHOẢN CHÊNH LỆCH  
PHÁT SINH KHI MUA KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

ST T	Nội dung phân bổ	Tổng số chênh lệch	Thời gian khấu hao (phân bổ)	Nă m ...	Năm ...	Nă m ...	...
A	B	1	2	3	4	5	6
1	Công ty liên kết A - Chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của TSCĐ - Lợi thế thương mại						
	<i>Cộng số phân bổ hàng năm</i>						
2	Công ty liên kết B - Chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của TSCĐ - Lợi thế thương mại						

	<i>Cộng số phân bổ hàng năm</i>						
3	Công ty liên kết C - Chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của TSCĐ - Lợi thế thương mại						
	<i>Cộng số phân bổ hàng năm</i>						

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

**Mẫu số S43-DN**  
(Ban hành theo Thông tư số  
200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CHI TIẾT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU**

Năm:.....

*Đơn vị tính:.....*

Đăng ký phát hành	Phát hành thực tế	Số cổ phiếu đã
-------------------	-------------------	----------------

Giấy phép phát hành		Loại cổ phiếu	Số lượng	Mệnh giá	Chứng từ		Loại cổ phiếu	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá	Giá thực tế phát hành	Thành tiền	đăng ký phát hành nhưng chưa bán	
Số hiệu	Ngày tháng g				Số hiệu	Ngày tháng						Số lượng	Mệnh giá
A	B	C	1	2	D	E	G	3	4	5	6	7	8
		Cộng			x	x	x					x	

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:**.....

**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S44-DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CHI TIẾT CỔ PHIẾU QUỸ**

Năm.....

Loại cổ phiếu.....

Mã số.....

Đơn vị tính:.....

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Giá thực tế mua, tái phát hành	Số phát sinh						Số dư		
	Số hiệ u	Ngày tháng				Tăng			Giảm			Số lượng	Giá trị theo mệnh giá	Giá mua thực tế
						Số lượng	Giá trị theo mệnh giá	Giá mua thực tế	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá	Giá trị thực tế			
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
			<b>Cộng</b>	x	x	x			x			x		

- Số này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

Ngày.... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:**.....  
**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S45-DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**sổ chi tiết Đầu tư chứng khoán, TRÁI PHIẾU**

(Dùng cho các TK: 121, 128)

Tài khoản:.....

Loại chứng khoán:.....Đơn vị phát hành.....

Mệnh giá.....Lãi suất.....Thời hạn thanh toán.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh				Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Mua vào		Xuất ra		Số lượng	Thành tiền
					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ ..... .....							
			- Cộng số phát sinh - Số dư cuối kỳ	x x	x	x	x	x	x	x

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S51-DN

(Ban hành theo Thông tư số

200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ THEO DÕI CHI TIẾT NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU(TK 411)**

Năm.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh						Số dư			
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ (giảm)			Có (tăng)			Vốn góp	Thặng dư vốn	Vốn khác	
					Vốn góp	Thặng dư vốn	Vốn khác	Vốn góp	Thặng dư vốn	Vốn khá c				
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ ..... .....											
			- Cộng số phát sinh - Số dư cuối kỳ	x										

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng.... năm .....

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

**Mẫu số S52-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**  
**Tài khoản 241- Xây dựng cơ bản dở dang**  
**Năm .....**

**Dự án: .....**

**Công trình (HMCT) .....**

**Khởi công... ngày ... tháng ... năm ...**

**Hoàn thành... ngày ... tháng ... năm ...**

**Tổng dự toán: .....**

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Tổng số phát sinh	Nội dung chi phí					Ghi chú		
	Số hiệu	Ngày tháng				Xây lắp	Thiết bị			Khác			
							Tổng số	TB cần lắp	TB không cần lắp			Công cụ, dụng cụ	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	F	
			1 - Số dư đầu kỳ 2 - Số phát sinh trong kỳ										
			Cộng số phát sinh 3 - Số dư cuối kỳ										



**Đơn vị:**.....  
**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S61-DN**  
(Ban hành theo Thông tư số  
200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Sổ theo dõi thuế giá trị gia tăng**

Năm: .....

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền thuế GTGT đã nộp	Số tiền thuế GTGT phải nộp
Số hiệu	Ngày, tháng			
A	B	C	1	2
		Số dư đầu kỳ Số phát sinh trong kỳ		
		Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ		

- Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang...
- Ngày mở sổ:...

Ngày..... tháng..... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Ghi chú:** Sổ này áp dụng cho các doanh nghiệp tính thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

**Mẫu số S62-DN**

(Ban hành theo Thông tư số

200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Sổ chi tiết thuế giá trị gia tăng được hoàn lại**

Năm: .....

Chứng từ		Diễn giải	Số thuế GTGT được hoàn lại	Số thuế GTGT đã hoàn lại
Số hiệu	Ngày, tháng			
A	B	C	1	2
		Số dư đầu kỳ Số phát sinh trong kỳ		
		Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ		

- Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

- Ngày mở sổ:....

Ngày..... tháng..... năm .....

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:**.....

**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S63-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Sổ chi tiết thuế giá trị gia tăng được miễn giảm**

**Năm:** .....

Chứng từ		Diễn giải	Số thuế GTGT được miễn giảm	Số thuế GTGT đã miễn giảm
Số hiệu	Ngày, tháng			
A	B	C	1	2
		- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ		
		- Cộng số phát sinh - Số dư cuối kỳ		

- Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

- Ngày mở sổ:...

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)